

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH KẾ TOÁN**

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSPKT ngày tháng năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình: KẾ TOÁN

Ngành đào tạo: KẾ TOÁN

Tên tiếng Anh: ACCOUNTING

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Mã số: 7340301

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

Tp. Hồ Chí Minh, 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : KẾ TOÁN
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: KẾ TOÁN (Accounting)
Mã ngành: 52340301
Hình thức đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHSPKT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

- 1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:** 4 năm
- 2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- 3. THANG ĐIỂM, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**
 - **Thang điểm:** 10
 - **Quy trình đào tạo:** Theo quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/09/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.
 - **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/09/2021 của Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

Mục đích (Goals)

Đào tạo cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về kế toán - tài chính, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, ứng dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp, kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội.

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán có thể đảm nhiệm công việc kế toán hoặc làm việc tại các phòng kinh doanh, phòng tín dụng, phòng tài chính trong tất cả các loại hình công ty kinh doanh ở các lĩnh vực với vị trí nhân viên hoặc quản lý; hoặc có thể làm trợ lý kiểm toán tại các công ty kiểm toán.

Mục tiêu đào tạo (Objectives)

1. Trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, khoa học kinh tế và quản trị.
2. Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.
3. Trở thành công dân toàn cầu, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả.
4. Phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, giải quyết và thiết kế các đề án thuộc kế toán tài chính.

Chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán gồm:

Chuẩn đầu ra (Program outcomes)

| Ký hiệu | Chuẩn đầu ra (Expected learning outcome) | Trình độ năng lực |
|----------------|--|--------------------------|
| ELO-1 | Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong kế toán và quản trị doanh nghiệp | 4 |
| 1.1 | PI1.1: Ứng dụng kiến thức toán học, xã hội để thu thập, phân tích các vấn đề kinh tế trong đơn vị | |
| 1.2 | PI1.2: Ứng dụng kiến thức kinh tế và tin học để giải quyết vấn đề trong sản xuất kinh doanh | |
| 1.3 | PI1.3: Vận dụng kiến thức cơ bản về kế toán - tài chính để giải thích các thông tin kinh tế trong đơn vị | |
| ELO-2 | Áp dụng được kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính | 4 |
| 2.1 | PI2.1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về kế toán, thuế | |
| 2.2 | PI2.2: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về kiểm toán | |
| 2.3 | PI2.3: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị tài chính, ngân hàng | |
| ELO-3 | Khả năng thu thập thông tin kinh tế; lập sổ sách, báo cáo và phân tích tài chính của công ty và tổ chức. | 5 |
| 3.1 | PI3.1: Áp dụng kiến thức thống kê học và kinh tế học để thu thập thông tin về kinh tế tài chính của đơn vị. | |
| 3.2 | PI3.2: Ứng dụng kiến thức công nghệ để lập sổ sách, báo cáo phân tích, đánh giá và xây dựng giải pháp công nghệ tối ưu cho hoạt động kế toán tài chính của đơn vị. | |
| 3.3 | PI3.3: Ứng dụng kiến thức về kế toán, tài chính để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình kinh tế phát sinh trong đơn vị. | |

| | | |
|--------------|--|----------|
| ELO-4 | Khả năng nhận ra trách nhiệm và tuân thủ các nguyên tắc kế toán, đạo đức nghề nghiệp khi xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | 5 |
| 4.1 | PI4.1: Tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp | |
| 4.2 | PI4.2: Có ý thức trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp | |
| 4.3 | PI4.3: Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán tài chính. | |
| ELO-5 | Khả năng tự học tập và nghiên cứu để cập nhật và vận dụng kiến thức mới. | 4 |
| 5.1 | PI5.1: Phát triển kỹ năng cá nhân và năng lực học tập suốt đời | |
| 5.2 | PI5.2: Phát triển kỹ năng làm việc chuyên nghiệp góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh | |
| 5.3 | PI5.3: Phát triển năng lực hội nhập môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế | |
| ELO-6 | Khả năng lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả | 3 |
| 6.1 | PI6.1: Phát triển khả năng lãnh đạo các mảng chức năng liên quan ngành kế toán tài chính trong đơn vị | |
| 6.2 | PI6.2: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong việc thực hiện các dự án, các mảng nghiệp vụ trong doanh nghiệp | |
| 6.3 | PI6.3: Thể hiện khả năng tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả trong các nhóm dự án, phân tích phát triển doanh nghiệp | |
| ELO-7 | Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng nhiều hình thức và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc. | 3 |
| 7.1 | PI7.1: Có khả năng giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác trong kinh doanh bằng nhiều hình thức. | |
| 7.2 | PI7.2: Có khả năng làm việc với tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh | |
| 7.3 | PI7.3: Có khả năng truyền tải thông tin về KTTTC đến các bên có liên quan thông qua nhiều hình thức giao tiếp | |
| ELO-8 | Khả năng hình thành ý tưởng cải tiến, ý tưởng khởi nghiệp, thiết kế và tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp và tổ chức. | 4 |
| 8.1 | PI8.1: Đề xuất ý tưởng cải tiến thông qua phân tích, đánh giá hoạt động của đơn vị. | |
| 8.2 | PI8.2: Xây dựng ý tưởng, các yêu cầu để tổ chức các hoạt động kế toán tài chính trong đơn vị. | |

| | | |
|--------------|--|----------|
| 8.3 | PI8.3: Thiết kế và tổ chức công tác kế toán tài chính tại đơn vị | |
| ELO-9 | Khả năng vận hành và kiểm soát các hoạt động liên quan đến kế toán, tài chính của doanh nghiệp và tổ chức. | 4 |
| 9.1 | PI9.1: Vận hành hệ thống các nguồn lực trong doanh nghiệp phục vụ cho hệ thống kinh doanh | |
| 9.2 | PI9.2: Quản lý chuỗi hoạt động then chốt trong hệ thống kinh doanh thông qua việc kiểm soát tình hình kế toán tài chính trong doanh nghiệp | |
| 9.3 | PI9.3: Vận hành, kiểm soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống kinh doanh | |

Thang trình độ năng lực

| Trình độ năng lực | | Mô tả ngắn |
|---------------------------------|-------------|---|
| $0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$ | Cơ bản | Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,... |
| $1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$ | Đạt yêu cầu | Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ... |
| $2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$ | | Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,... |
| $3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$ | Thành thạo | Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,... |
| $4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$ | | Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,... |
| $5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$ | Xuất sắc | Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới. |

4.1 Kỹ năng và kiến thức

- Có kiến thức kinh tế cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về kế toán - tài chính, có khả năng phân tích, đánh giá các nghiệp vụ kinh tế, hạch toán kế toán, ứng dụng các phần mềm kế toán và tổ chức bộ máy kế toán cho doanh nghiệp; (ELO1, ELO2, ELO3)
- Có khả năng lên ý tưởng, lập kế hoạch và thực hiện một bài nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán tài chính; (ELO8)
- Có khả năng tổ chức, vận hành, quản lý, và cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực kế toán tài chính; (ELO9)
- Có kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh; kỹ năng làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả. (ELO6, ELO7)

4.2 Thái độ

- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp và xã hội. (ELO 4)
- Có khả năng hội nhập quốc tế (ELO7)
- Có đầy đủ kiến thức chuyên môn, kiến thức xã hội, kiến thức pháp luật để xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc học tập và phát triển suốt đời (ELO5)

4.3. Trình độ Ngoại ngữ

- Giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh ở mức TOEIC 550 hoặc tương đương. (ELO7)
- Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành kế toán tài chính (ELO5, ELO7)

4.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

- Có đủ kiến thức để tự nghiên cứu một cách độc lập để tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn như thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

4.5 Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các ngân hàng và tổ chức tín dụng, các công ty kiểm toán độc lập, các cơ quan kiểm toán nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán, các viện nghiên cứu và các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như nhân viên kế toán hoặc phụ trách kế toán tại các đơn vị kế toán, trợ lý kiểm toán, nhân viên kiểm soát nội bộ, chuyên viên phân tích hệ thống thông tin kế toán; giao dịch viên, nhân viên tín dụng, chuyên viên phân tích, chuyên viên triển khai phần mềm, chuyên viên tư vấn phần mềm; giảng viên tại các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán, nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu về kế toán, kiểm toán
- Sinh viên tốt nghiệp có thể theo học các chương trình sau đại học liên quan đến lĩnh vực kế toán tài chính.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ

(không bao gồm khối kiến thức Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

Đối với kiến thức Ngoại ngữ: Sinh viên cần phải đạt 02 học phần ngoại ngữ:

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1 (ENCS140026- 4 tín chỉ)

- Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2 (ENCS240026- 4 tín chỉ)

(theo Quyết định số 3776/QĐ- ĐHSPKT ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc quy định các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

| TT | TÊN HỌC PHẦN | Số tín chỉ |
|---|------------------------------------|----------------|
| KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG | | 41 |
| A. Khối kiến thức bắt buộc | | 25 |
| I. Lý luận chính trị + Pháp luật | | 13 |
| 1 | Triết học Mác-Lênin | 3 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 6 | Pháp luật đại cương | 2 |
| II. Toán học và KHTN | | 9 |
| 4 | Toán kinh tế 1 | 3 |
| 5 | Toán kinh tế 2 | 3 |
| 6 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 |
| III. Nhập môn ngành | | 3 (2+1) |
| B. Khối kiến thức tự chọn (khoa chọn) | | 16 |
| IV. Tin học (khoa chọn) | | 5 |
| 1 | Tin học văn phòng | 3 (2+1) |
| 2 | Tin học ứng dụng | 2 (1+1) |
| V. Khoa học xã hội nhân văn (theo danh mục) | | 2 |
| VI. Khoa học kỹ thuật | | |
| VII. Cơ sở ngành và chuyên ngành (khoa chọn) | | 9 |
| C. Khối kiến thức GDTC + GDQP | | |
| VIII. Giáo dục thể chất | | |
| 1 | Giáo dục thể chất 1 | 1 |
| 2 | Giáo dục thể chất 2 | 1 |
| 3 | Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i> | 3 |
| IX. Giáo dục quốc phòng | | 165 tiết |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP | | 84 |
| Cơ sở nhóm ngành và ngành | | 74 |
| Cơ sở ngành | | |

| | |
|---------------------------------|----------|
| Chuyên ngành | |
| Thí nghiệm, thực tập, thực hành | 2 |
| Trong đó, thực tập tốt nghiệp | 2 |
| Khóa luận tốt nghiệp | 6 |

6.1. Kiến thức đại cương

Sinh viên có những kiến thức lý thuyết và thực hành thuộc các nhóm Khoa học xã hội và toán để làm nền tảng cho ngành Kế toán tài chính

6.2. Kiến thức cơ sở ngành

Sinh viên có những kiến thức lý thuyết và thực hành về nhóm môn học kinh tế, kinh doanh, quản trị, tin học, pháp luật, nghiên cứu, ngoại ngữ. Các kiến thức này sẽ là nền tảng cho việc tiếp cận với các khối kiến thức chuyên ngành.

Bên cạnh đó, SV còn được giao lưu, tham quan, thực tập tại các nhà máy sản xuất lớn trong lĩnh vực kinh tế nói chung và kế toán – kiểm toán – Thuế - Tài chính nói riêng.

6.3. Kiến thức chuyên ngành

a) Nhóm chuyên ngành Kế toán.

SV sẽ được tiếp cận về lý thuyết và thực hành trong các lĩnh vực như sau: Kế toán tài chính, Kế toán tài chính nâng cao, Lập báo cáo tài chính, Kế toán quốc tế, Kế toán ngân hàng, Kế toán hành chính sự nghiệp, Kế toán chi phí, Kế toán quản trị, lập sổ sách kế toán, phần mềm kế toán.

b) Nhóm chuyên ngành về Kiểm toán - Thuế

SV sẽ được tiếp cận về lý thuyết và thực hành các lĩnh vực như sau: Kiểm toán cơ bản, Kiểm toán nâng cao, Chính sách thuế.

c) Nhóm chuyên ngành về Tài chính – Ngân hàng

SV sẽ được tiếp cận về lý thuyết và thực hành các lĩnh vực như sau: Tài chính doanh nghiệp cơ bản, Tài chính doanh nghiệp nâng cao, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Thanh toán quốc tế, Phân tích hoạt động kinh doanh, thị trường chứng khoán.

6.4. Kiến tập và Thực tập tốt nghiệp

SV sẽ được gửi đến một đơn vị trong tối thiểu 14 tuần trong suốt quá trình học tại trường chia thành 2 đợt:

- Đợt 1 kiến tập – 4 tuần vào cuối năm 2 để tìm hiểu về môi trường làm việc, công việc của 1 nhân viên kế toán tại đơn vị cũng như các yêu cầu đối với các vị trí kế toán trong đơn vị;

- Đợt 2 thực tập tốt nghiệp vào đầu năm thứ 4 sau khi đã được trang bị đầy đủ các kiến thức chuyên môn của ngành, sinh viên sẽ làm việc như một nhân viên chính thức tại đơn vị thực tập. Tìm hiểu và phân tích quy trình hoặc mảng hoạt động của đơn vị nhằm đánh giá và giải quyết vấn đề liên quan đến quy trình và mảng hoạt động đó. Viết báo cáo thực tập và nộp cho giảng viên hướng dẫn để phân công.

6.5. Tốt nghiệp

Sau khi đã được trang bị đầy đủ những kiến thức lý thuyết và thực tế suốt 7 học kỳ, sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp. Với nhiệm vụ này, sinh viên có thể lựa chọn hai dạng đề tài. Thứ nhất là dạng đề tài theo hướng ứng dụng, trong đó sinh viên tập trung vào việc đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện một mảng hoạt động nào đó của đơn vị nghiên cứu. Thứ hai là dạng đề tài theo hướng nghiên cứu, trong đó sinh viên có thể lựa chọn các mảng nghiên cứu sâu hơn về kế toán tài chính.

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần bắt buộc)

A – Phần bắt buộc

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

| ST T | Mã môn học | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|------|------------|--------------------------------|------------|---|
| 1. | LLCT130105 | Triết học Mác – Lênin | 3 | |
| 2. | LLCT120205 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 3. | LLCT120405 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 4. | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 5. | LLCT220514 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | Học trước: LLCT130105, LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314 |
| 6. | ENCS140026 | Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 1 | 4 | <i>Không tính vào số TC của CTĐT</i> |
| 7. | ENCS240026 | Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 2 | 4 | |
| 8. | INAC130107 | Nhập môn ngành Kế toán | 3 (2+1) | |
| 9. | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | |
| 10. | RMET220406 | Phương pháp nghiên cứu | 2 | |
| 11. | FUMA230806 | Quản trị học căn bản | 3 | |
| 12. | MATH132701 | Toán kinh tế 1 | 3 | |
| 13. | MATH132801 | Toán kinh tế 2 | 3 | Học trước: MATH132701 |
| 14. | MATH132901 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 | |
| 15. | MIOF120207 | Ứng dụng CNTT | 2 (1+1) | |
| 16. | APCM230307 | Tin học ứng dụng | 3 (2+1) | Học trước: MIOF120207 |
| 17. | ECON240206 | Kinh tế học | 4 | |
| 18. | | Tự chọn đại cương | 2 | |
| 19. | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | <i>Không tính vào số TC của CTĐT</i> |
| 20. | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | |
| 21. | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 | 3 | |
| 22. | - | Giáo dục quốc phòng | 165 tiết | |

| | | |
|-------------|-----------|--|
| Tổng | 41 | |
|-------------|-----------|--|

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|-------------|--------------------|------------|-------------------------------|
| 1 | BLAW230308 | Luật kinh tế | 3 | Học trước: GELA220405 |
| 2 | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 | Học trước: MATH130901 |
| 3 | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 | |
| 4 | MAMA330906 | Quản trị Marketing | 3 | |
| 5 | DANA230706 | Phân tích dữ liệu | 3 | Học trước: RMET220406 |
| Cộng | | | 15 | |

7.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

| ST T | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã MH trước |
|-------------|-------------|--------------------------------------|---------------|----------------------|
| 1 | TAPO330407 | Chính sách Thuế | 3 (2+1) | |
| 2 | PRAC420607 | Chuyên đề thực hành (Kiến tập) | 2 | |
| 3 | SSEN321807 | Chuyên đề doanh nghiệp ngành kế toán | 2 | Tối thiểu 6 cột điểm |
| 4 | COAC331607 | Kế toán chi phí | 3 | FIAC330207 |
| 5 | MAAC430507 | Kế toán quản trị | 3 | COAC331607 |
| 6 | INAC331007 | Kế toán quốc tế | 3 | PRAC230407 |
| 7 | FIAC330207 | Kế toán tài chính 1 | 3 | PRAC230407 |
| 8 | FIAC330907 | Kế toán tài chính 2 | 3 | PRAC230407 |
| 9 | FIAC430807 | Lập báo cáo tài chính | 3 (2+1) | FIAC330207 |
| 10 | ADFA431807 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 | FIAC330907 |
| 11 | AUDI430207 | Kiểm toán 1 | 3 | FIAC330207 |
| 12 | ADAU430907 | Kiểm toán 2 | 3 | AUDI430207 |
| 13 | ACSO430407 | Phần mềm kế toán | 3 (2+1) | FIAC330907 |
| 14 | BUAN331107 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | FIAC330207 |
| 15 | COBA330507 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 | |
| 16 | COFI330307 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | |
| 17 | ADCF430307 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 | COFI330307 |
| Cộng | | | 49 | |

7.2.3. Tốt nghiệp

| ST T | Mã môn học | Tên học phần | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|------------|----------------------|------------|-------------------------------|
| 1. | INTE421007 | Thực tập tốt nghiệp | 2 | |
| 2. | GRAT462107 | Khóa luận tốt nghiệp | 6 | |
| Tổng | | | 8 | |

B – Phần tự chọn:

1. Kiến thức giáo dục đại cương: (Chọn 1 môn trong các môn: 02 tín chỉ)

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------------|------------|---------|
| 1 | PSBU220408 | <i>Tâm lý học kinh doanh</i> | 2 | |
| 2 | BCOM320106 | <i>Giao tiếp trong KD</i> | 2 | |
| 3 | PRSK320705 | <i>Kỹ năng thuyết trình</i> | 2 | |
| 4 | SYTH220491 | <i>Tư duy hệ thống</i> | 2 | |

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1 Tự chọn những môn thuộc nhóm cơ sở ngành (Nhóm A)

(Chọn 2 trong các môn: 04 Tín chỉ)

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------------|------------|---------|
| 1 | ORBE320106 | <i>Hành vi tổ chức</i> | 2 | |
| 2 | CUSM321006 | <i>Quản trị quan hệ KH</i> | 2 | |
| 3 | ININ220608 | <i>Đầu tư quốc tế</i> | 2 | |
| 4 | INBU220508 | <i>Kinh doanh quốc tế</i> | 2 | |
| 5 | BCUL320506 | <i>Văn hóa doanh nghiệp</i> | 2 | |
| 6 | BPLA121808 | <i>Kế hoạch khởi nghiệp</i> | 2 | |
| 7 | INPA421008 | <i>Thanh toán quốc tế</i> | 2 | |
| 8 | DECO220407 | <i>Kinh tế số</i> | 2 | |

2.2 Tự chọn những môn thuộc nhóm chuyên ngành:

Nhóm B: (Chọn 02 trong các môn: 05 Tín chỉ)

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------|--|---------------|---------|
| 1 | APAC330607 | <i>Kế toán hành chính sự nghiệp</i> | 3 | |
| 2 | BAAC331407 | <i>Kế toán ngân hàng</i> | 3 | |
| 3 | REAC321307 | <i>Lập sổ sách kế toán trên Access</i> | 2 (1+1) | |
| 4 | REEX321207 | <i>Lập sổ sách kế toán trên Excel</i> | 2 (1+1) | |

Nhóm C: (Chọn 01 trong các môn: 03 Tín chỉ)

| STT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-------------|--|------------|---------|
| 1 | SEMA430807 | Thị trường chứng khoán | 3 | |
| 2 | ERPS431208 | Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) | 3 (2+1) | |
| 3 | ACBU331507 | Anh văn chuyên ngành KT (Business English) | 3 | |
| 4 | FTMA430908 | Quản trị ngoại thương | 3 | |

C – Kiến thức liên ngành:

Sinh viên có thể chọn 6 tín chỉ liên ngành để thay thế cho các môn học chuyên ngành trong phần tự chọn. Sinh viên có thể tự chọn các môn học nằm ngoài danh sách được đề xuất trên tinh thần các môn học hỗ trợ hướng phát triển nghề nghiệp sau này. SV nên nhờ tư vấn thêm từ Ban tư vấn để có sự lựa chọn phù hợp.

| ST T | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|------------|------------------------|------------|----------------------------|
| 1. | PRMA330806 | Quản trị sản xuất | 3 | |
| 2. | PRAN331106 | Lập và phân tích dự án | 3 | |
| 3. | TMAN431509 | Quản trị vận tải | 3 | |
| 4. | DEMA431609 | Quản trị kho bãi | 3 | |
| 5. | ELOG332509 | E-Logistics | 3 | |
| 6. | EMAR431108 | Marketing điện tử | 3 | |
| Tổng | | | 18 | |

D – Các môn học MOOC (Massive Open Online Courses):

Nhằm tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, SV có thể tự chọn các khóa học online đề xuất trong bảng sau để xét tương đương với các môn học có trong chương trình đào tạo:

| ST T | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Môn học được xét tương đương MOOC (đường link đăng ký) |
|-------------|------------|--------------------|------------|--|
| 1. | MIOF120207 | Ứng dụng CNTT | 2 (1+1) | Excel skills for business: Essentials https://www.coursera.org/specializations/excel |
| 2. | MAMA330906 | Quản trị marketing | 3 | Marketing https://www.icieducation.com/courses/business/marketing/ |
| 3. | MAAC430507 | Kế toán quản trị | 3 | Accounting analytics: https://www.coursera.org/learn/accounting-analytics |
| Tổng | | | 9 | |

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không xếp vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

| ST T | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|------|------------|--------------------------------|------------|---|
| 1. | LLCT130105 | Triết học Mác – Lênin | 3 | |
| 2. | LLCT120205 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 3. | LLCT120405 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 4. | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | Học trước: LLCT130105 |
| 5. | LLCT220514 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | Học trước: LLCT130105, LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314 |
| 6. | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | |
| 7. | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | |
| 8. | PHED110613 | Giáo dục thể chất 2 | 1 | |
| 9. | PHED130715 | Giáo dục thể chất 3 | 3 | |

Học kỳ 1:

| T T | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|------------|-------------------------------|-------------|----------------------------|
| 1. | INAC130107 | Nhập môn ngành Kế toán | 3 (2+1) | |
| 2. | LLCT130105 | Triết học Mác – Lênin | 3 | |
| 3. | MATH132701 | Toán kinh tế 1 | 3 | |
| 4. | ECON240206 | Kinh tế học | 4 | |
| 5. | PHED110513 | Giáo dục thể chất 1 | 1 | |
| 6. | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | |
| 7. | ENCS140026 | Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 1 | 4 | |
| Tổng | | | 15+5 | |

Học kỳ 2:

| T T | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-----|------------|----------------------|--------|----------------------------|
| 1. | MIOF120207 | Ứng dụng CNTT | 2(1+1) | |
| 2. | FUMA230806 | Quản trị học căn bản | 3 | |
| 3. | MATH132801 | Toán kinh tế 2 | 3 | MATH132701 |

| | | | | |
|-------------|------------|-------------------------------|-------------|--------------------------------|
| 4. | RMET220406 | Phương pháp nghiên cứu | 2 | Môn học project-based learning |
| 5. | BLAW230308 | Luật kinh tế | 3 | GELA220405 |
| 6. | ENCS240026 | Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 1 | 4 | |
| 7. | | Tự chọn đại cương | 2 | |
| Tổng | | | 16+4 | |

Học kỳ 3:

| T T | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước |
|----------------|--------------|------------------------------|--------------|--|
| 1. | MAOP230706 | Tối ưu hóa | 3 | |
| 2. | PRAC230407 | Nguyên lý kế toán | 3 | |
| 3. | DANA230706 | Phân tích dữ liệu | 3 | RMET220406 Môn học project-based learning |
| 4. | APCM230307 | Tin học ứng dụng | 3 (2+1) | MIOF120207 |
| 5. | MATH132901 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 | |
| 6. | | Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A) | 2 | |
| Tổng | | | 16 | |

Học kỳ 4:

| TT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước |
|-------------|--------------|--------------------------------|--------------|-------------------------------------|
| 1. | MAMA330906 | Quản trị Marketing | 3 | |
| 2. | TAPO330407 | Chính sách Thuế | 3 (2+1) | |
| 3. | FIAC330207 | Kế toán tài chính 1 | 3 | PRAC230407 |
| 4. | COFI330307 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | |
| 5. | COBA330507 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 | |
| 6. | | Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A) | 2 | |
| 7. | PRAC420607 | Chuyên đề thực hành (Kiến tập) | 2 | Môn học liên kết DN Học kỳ hè |
| Tổng | | | 19 | |

Học kỳ 5:

| TT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước |
|-----------|--------------|-------------------------------|--------------|--------------------|
| 1. | COAC331607 | Kế toán chi phí | 3 | PRAC230407 |
| 2. | FIAC330907 | Kế toán tài chính 2 | 3 | PRAC230407 |
| 3. | AUDI430207 | Kiểm toán 1 | 3 | PRAC230407 |
| 4. | ADCF430307 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 | COFI330307 |
| 5. | INAC331007 | Kế toán quốc tế | 3 | |
| | | Tự chọn chuyên ngành (nhóm B) | 5 | |

| | | | | |
|-------------|------------|---------------------------------|-----------|-------------------------------------|
| 6. | APAC330607 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 3 | PRAC230407 |
| 7. | BAAC331407 | Kế toán ngân hàng | 3 | PRAC230407 |
| 8. | REAC321307 | Lập sổ sách kế toán trên Access | 2 | PRAC230407 Môn học profect-based |
| 9. | REEX321207 | Lập sổ sách kế toán trên Excel | 2 | PRAC230407 Môn học profect-based |
| Tổng | | | 20 | |

Học kỳ 6:

| TT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|------------|--|------------|-------------------------------------|
| 1. | MAAC430507 | Kế toán quản trị | 3 | COAC331607 |
| 2. | ADAU430907 | Kiểm toán 2 | 3 | AUDI430207 Môn học profect-based |
| 3. | ACSO430407 | Phần mềm kế toán | 3 (2+1) | COFI330307 Môn học liên kết DN |
| 4. | BUAN331107 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | FIAC330207 Môn học profect-based |
| 5. | ADFA431807 | Kế toán tài chính nâng cao | 3 | FIAC340907 |
| 6. | FIAC430807 | Lập báo cáo tài chính | 3(2+1) | FIAC330207 |
| | | Tự chọn chuyên ngành (nhóm C) | 3 | |
| 7. | ERPS431208 | Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) | 3 (2+1) | Môn học liên kết DN |
| 8. | ACBU331507 | Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English) | 3 | |
| 9. | SEMA430807 | Thị trường chứng khoán | 3 | |
| 10. | FTMA430908 | Quản trị ngoại thương | 3 | |
| Tổng | | | 21 | |

Học kỳ 7:

| TT | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|-------------|------------|--------------------------------------|----------|----------------------------|
| 1. | SSEN321807 | Chuyên đề doanh nghiệp ngành kế toán | 2 | Môn học liên kết DN |
| 2. | INTE421007 | Thực tập tốt nghiệp | 2 | Sinh viên năm 4 |
| Tổng | | | 4 | |

Học kỳ 8:

| T T | Mã MH | Tên MH | Số TC | Mã MH trước, MH tiên quyết |
|--------|-------|--------|-------|----------------------------|
|--------|-------|--------|-------|----------------------------|

| | | | | |
|-------------|------------|-----------------------------|----------|-----------------|
| 1. | GRAT462107 | Khóa luận tốt nghiệp | 6 | Sinh viên năm 4 |
| Tổng | | | 6 | |

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Nhập môn ngành kế toán

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Kế toán cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

9.2 Toán kinh tế 1

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

9.3 Toán kinh tế 2

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

9.4 Xác suất thống kê ứng dụng

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

9.5 Pháp luật đại cương

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo

pháp luật”. Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

9.6 Tối ưu hóa

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

9.7 Phương pháp nghiên cứu

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (1,1, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trang bị cho sinh viên cách tìm kiếm và đọc hiểu các bài báo khoa học từ đó xác định được hướng nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị và kinh tế. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể viết một đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh và mang tính khả thi khi triển khai thực hiện.

9.8 Phân tích dữ liệu

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Phương pháp nghiên cứu
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu.

9.9. Nguyên lý kế toán

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

9.10. Quản trị học căn bản

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

9.11. Luật kinh tế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT – ký kết HĐKT – thực hiện HĐKT – các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT – Xử lý vi phạm HĐKT – Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT – HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tòa án và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành bản án, quyết định của tòa án, trọng tài tại Việt Nam...

9.12 Quản trị marketing

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3(3,0,6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).

9.13. Ứng dụng CNTT

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(1, 1, 2)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị các kiến thức căn bản về tin học văn phòng như: MS Word, MS Excel, Power Point... Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức tin học ứng dụng trong kinh tế: các hàm thống kê, phân tích giản đơn, mail merge, kỹ thuật trình bày báo cáo trên p.point,...

9.14. Kế toán tài chính A1

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động kinh doanh như tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, qua đó lập bảng cân đối kế toán.

9.15. Kế toán tài chính A2

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3,0,6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,...

9.16. Lập Báo cáo tài chính

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (2,1, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức về tổ chức công tác kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp; Nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với các đối tượng kế toán thuộc hoạt động sản xuất, tính giá thành sản phẩm; giao dịch ngoại tệ, xây dựng cơ bản; bất động sản đầu tư; đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn,... Lập và trình bày Báo cáo tài chính nhằm cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán để đề ra các quyết định kinh tế.

9.17. Tài chính doanh nghiệp 1

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong tài chính doanh nghiệp; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ

cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp.

9.18. Tài chính doanh nghiệp 2

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần, bao gồm: quyết định đầu tư tài sản lưu động, quyết định nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, quyết định về chính sách cổ tức của công ty, quyết định sáp nhập và thu mua, quyết định về quản lý rủi ro tài chính ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, để có thể phân tích và đưa ra các quyết định này một cách đúng đắn đòi hỏi người học cần phải kết hợp với các kiến thức đã học ở học phần Tài chính doanh nghiệp 1.

9.19. Chính sách thuế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một số thuế, xu hướng cải cách thuế Việt nam và thế giới. Ngoài ra học phần còn đi sâu giới thiệu chi tiết một số thuế chủ yếu.

9.20. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 3
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này sinh viên có khái niệm cơ bản và chức năng của ERP từ đó ứng dụng ERP trong thực tiễn như từ việc theo dõi đơn hàng đơn giản, quản trị hàng tồn kho, sản xuất, chuỗi cung ứng cho đến quản trị tài chính (cả kế toán và thuế) và quản trị nhân sự.

9.21. Anh văn chuyên ngành kinh tế (Business English)

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Cung cấp vốn từ vựng chuyên ngành kinh tế (kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng,..) cho các công việc đòi hỏi sử dụng tiếng Anh trong quá trình làm việc. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học những kỹ năng viết và nói và đọc hiểu được các nghiệp vụ trong lĩnh vực thương mại,...

9.22. Phần mềm kế toán

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2,1, 6)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên nắm rõ công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các phần mềm thực hiện công việc kế toán trong doanh nghiệp.

9.23. Kiểm toán 1

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm toán, các loại kiểm toán, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc chuẩn bị, thực hiện và hoàn thành một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán trong các loại hình kiểm toán khác nhau.

9.24. Kiểm toán 2

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này tập trung vào việc áp dụng các hiểu biết căn bản đã được trình bày trong học phần Kiểm toán 1 vào việc thực hiện kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính, bao gồm việc vận dụng các chuẩn mực kiểm toán, tìm hiểu và đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, học phần mở rộng trình bày các dịch vụ khác do doanh nghiệp kiểm toán cung cấp, cũng như hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán nhà nước.

9.25. Kế toán chi phí

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cho thấy vai trò của nhà quản lý và của kế toán viên trong quản lý chi phí ở một tổ chức, và kế toán chi phí làm thế nào để giúp nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí. Thông tin do kế toán chi phí cung cấp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị là chủ yếu, ngoài ra nó còn cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Nội dung của học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán chi phí, về phân loại chi phí, qui trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

9.26. Kế toán quản trị

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

9.27. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Đại cương về ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ tài chính, các nghiệp vụ sinh lợi khác; các công cụ thanh toán sử dụng trong các dịch vụ thanh toán của ngân hàng.

9.28. Thị trường chứng khoán

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.

9.29. Phân tích hoạt động kinh doanh

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên phân tích được quá trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đề xuất các biện pháp hợp lý để giảm thiểu rủi ro, kiểm soát chi phí, khai thác khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm. Nhận biết nguyên nhân ảnh hưởng, phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đánh giá được tình hình biến động cũng như kết

cầu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

9.30. Thanh toán quốc tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 2)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái, thị trường hối đoái, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường hối đoái, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.

9.31. Kế toán ngân hàng

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh. Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng...

9.32. Kế toán quốc tế

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cung cấp một số kiến thức cơ bản liên quan tới việc tổ chức thực hiện hệ thống kế toán quốc tế hiện đại. Thông qua môn học này sẽ giúp cho người học có cơ sở đối chiếu hệ thống kế toán Việt Nam với hệ thống kế toán Mỹ nhằm rút ra những vấn đề cần học tập để phát triển kế toán Việt Nam đồng thời còn giúp sinh viên tiếp cận với Anh ngữ chuyên ngành.

9.33. Kế toán hành chính sự nghiệp

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: Kế toán tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán; Kế toán nguồn kinh phí; Kế toán các khoản thu, chi; Quyết toán kinh phí và hệ thống báo cáo tài chính.

9.34. Tin học ứng dụng

Số TC: 03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (2, 1, 6)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị các kiến thức chuyên sâu của MS Excel nâng cao. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức tin học ứng dụng trong kinh tế: các hàm toán tài chính, các hàm toán thống kê... ứng dụng trong việc đánh giá các dự án, phân tích độ nhạy các dự án, định giá các công cụ tài chính, cũng như cách thức, phương pháp tổ chức lưu trữ dữ liệu, truy vấn thông tin và lập báo cáo theo yêu cầu.

9.35. Lập sổ sách kế toán trên Excel

Số TC: 02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (1,1, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Excel, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Excel cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Excel để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.

9.36. Lập sổ sách kế toán trên Access

Số TC: 02

- Phân bố thời gian học tập: 2 (1,1, 4)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng về sắp xếp, phân tích, đánh giá dữ liệu và kiểm soát dữ liệu trong kế toán, tổ chức cơ sở dữ liệu trên Access, cách phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào cơ sở dữ liệu, thiết kế các biểu mẫu sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính cũng như cách lập hàm Access cho từng loại sổ sách, báo cáo kế toán, cách chuyển dữ liệu kế toán từ kì này sang kì kế toán mới trên Access. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học nắm vững các quy tắc ghi chép sổ sách, báo cáo theo quy định của Bộ Tài Chính, các nguyên tắc chung khi lập công thức cho biểu mẫu sổ sách, báo cáo cũng như các thủ thuật Access để người học có thể ứng dụng lập các biểu mẫu báo cáo sổ sách phù hợp theo yêu cầu của quản lý doanh nghiệp.

9.37. Kế toán tài chính nâng cao

Số TC: 03

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Hệ thống hóa kiến thức của các học phần kế toán tài chính A1, A2, A3 cũng như trang bị thêm các kiến thức nâng cao trong kế toán tài chính: kế

toán đầu tư tài chính, kế toán nghiệp vụ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, lập báo cáo tài chính hợp nhất,...

chi phí cho các bộ phận phục vụ.

9.38 Kế hoạch khởi nghiệp

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch khởi nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch khởi nghiệp cơ bản, giúp khơi gợi tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên.

9.39. Đầu tư quốc tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giới thiệu cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); đầu tư gián tiếp nước ngoài, chuyển giao công nghệ; các vấn đề và thực trạng đầu tư quốc tế tại Việt Nam.

9.40. Kinh doanh quốc tế

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. Các kiến thức được cung cấp một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật nhằm đáp ứng được những thay đổi từng ngày của hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

9.41 Tư duy hệ thống

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.

9.42 Hành vi tổ chức

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức.

9.43 Giao tiếp trong kinh doanh

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động.

9.44 Tâm lý học kinh doanh

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (2, 0, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,..

9.45 Văn hóa doanh nghiệp

Số TC:02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2(2,0,4)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó.

9.46 Quản trị ngoại thương

Số TC:03

- *Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần*

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

9.47. Chuyên đề doanh nghiệp ngành kế toán

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm 1-3

Tóm tắt nội dung học phần: Chuyên đề doanh nghiệp là một môn yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp thông qua các hình thức : tham quan doanh nghiệp, nghiên cứu/làm quen quy trình tuyển dụng của doanh nghiệp, tham gia các hoạt động báo cáo chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp hoặc do các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp báo cáo tại Khoa, Nhà trường hoặc tại một tổ chức giáo dục... Các hoạt động này được thực hiện xuyên suốt từ học kỳ 1 đến học kỳ 6 trong CTĐT của ngành học.

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có kiến thức tổng thể liên quan đến hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp nói chung cũng như nắm bắt được yêu cầu thực tế từ doanh nghiệp đối với các vị trí công tác (định hướng nghề nghiệp) trong tương lai. Qua việc nghiên cứu, sinh viên rút ra được những kinh nghiệm thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức trước khi ra trường xin việc làm.

9.48. Chuyên đề thực hành (kiến tập)

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm 2 trở lên
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký tham gia kiến tập tại các công ty. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp. Mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp giúp sinh viên bước đầu làm quen với việc thực hiện 1 báo cáo khoa học.

9.49. Thực tập tốt nghiệp

Số TC: 02

- *Phân bố thời gian học tập:* 2 (0, 2, 4)
- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên năm thứ 4
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Sinh viên đăng ký đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh.

9.50. Khóa luận tốt nghiệp

Số TC: 6

- *Phân bố thời gian học tập:* 5 (0,5,10)

- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Sinh viên đăng ký đề tài và hoàn thành đề tài theo kế hoạch học vụ của mình dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Khóa luận tốt nghiệp là các đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kế toán, tài chính... cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học do sinh viên tự chọn hoặc theo gợi ý của giáo viên hướng dẫn. Nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành học cụ thể trong thực tế.

9.51. Quản trị kho bãi

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị kho bãi sẽ trang bị cho người học một loạt các chủ đề bao gồm: hệ thống kho bãi trong chuỗi cung ứng, phương thức vận hành kho bãi, phương thức lưu trữ kho, công cụ quản lý nguyên vật liệu, công nghệ để theo dõi hàng hóa, quản lý hàng tồn kho, và sự an toàn trong kho hàng. Người học có thể làm việc như là một phần của một nhóm, và áp dụng các nguyên tắc đã học vào các hoạt động cho các ứng dụng chuyên nghiệp.

9.52. Quản trị vận tải

Số TC: 3

- Phân bố thời gian học tập: 3 (3/0/6)
- Điều kiện tiên quyết:
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Học phần này đề cập đầy đủ nội dung thông tin về các phương thức vận tải hàng hóa ngoại thương thông qua đường biển, đường sắt, đường hàng không, đường bộ và thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức phù hợp với luật pháp quốc tế và Việt Nam.

9.53 Triết học Mác-Lênin

Số TC: 3

- Mã môn học: llct130105
- Phân bố thời gian học tập: 3(3/0/6)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học mác - lenin, và vai trò của triết học mác - lenin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.54 Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Số TC: 2

- Mã môn học: llct120205
- Phân bố thời gian học tập: 2(2/0/4)
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị mác - lenin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị

mác - lenin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở việt nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam.

9.55 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số TC: 2

- Mã môn học: *llet120405*
- Phân bố thời gian học tập: *2(2/0/4)*
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

9.56 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số TC: 2

- Mã môn học: *llet120314*
- Phân bố thời gian học tập: *2(2/0/4)*
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh; tư tưởng hồ chí minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đảng cộng sản việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, con người; đạo đức.

9.57 Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số TC: 2

- Mã môn học: *llet220514*
- Phân bố thời gian học tập: *2(2/0/4)*
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của đảng (1920-1930), quá trình đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa.

9.58. E-Logistics

Số TC:03

- Phân bố thời gian học tập: *3(3,0, 6)*
- Điều kiện tiên quyết: không
- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu khái niệm, vai trò, chức năng của Logistics điện tử (e-logistics) - là toàn bộ các hoạt động nhằm hỗ trợ việc di chuyển hàng hóa từ nơi cung ứng đến nơi tiêu dùng thông qua các giao dịch mua bán điện tử. Người học sẽ phân biệt được điểm khác biệt lớn nhất của E-logistics so với logistics truyền thống là việc thực hiện logistics đầu vào (procurement) và logistics đầu ra (fulfillment) đều được

xử lý bằng công nghệ thông tin, các quy trình được tự động hóa để đáp ứng số lượng đơn hàng lớn lên đến hàng triệu đơn mỗi ngày, hàng trăm nghìn chủng loại hàng hóa với tiến độ giao hàng nhanh chỉ trong 1-2 giờ và có độ chính xác cao.

9.59. Kinh tế số

Số TC: 02

- *Phân bổ thời gian học tập: 2 (2/0/4)*
- *Điều kiện tiên quyết:*
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

10.1. Các xưởng, phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Sinh viên ngành Kế toán chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học của mình như các phòng sau đây: A2-101A, A2-101B, A3-101, A-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B, A4-101, A4-102

10.2. Thư viện, trang Web

- Thư viện Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn
- Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn
- Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn
- Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn
- Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>
- Hội kế toán Việt Nam: www.vaa-hcmc.org.vn/
- Tạp chí kế toán: www.tapchiketoan.com/
- Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam: www.vacpa.org.vn/
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn/
- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo được triển khai theo các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau:

- 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp
- = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành
- = 45 giờ tự học
- = $45 \div 90$ giờ thực tập tại cơ sở.
- = $45 \div 60$ giờ thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Số giờ của học phần là bội số của 15.

- Khoá luận tốt nghiệp: dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng để giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể mang tính thực tế liên quan đến ngành học.
- Trình tự triển khai giảng dạy các học phần phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mạng kiến thức, các cơ sở đào tạo cần quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.
- Về nội dung: nội dung trong đề cương là nội dung cốt lõi của học phần. Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một học phần nào đó.
- Về số tiết học của học phần: ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, cơ sở đào tạo cần quy định thêm số tiết tự học để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.
- Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập của các học phần do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.
- Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn, ... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: giảng viên thuyết trình tại lớp, giảng viên hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm, thảo luận và làm việc theo nhóm, ... giảng viên đặt vấn đề khi xem phim video ở phòng chuyên đề và sinh viên về nhà viết thu hoạch.

Hiệu trưởng

Trưởng khoa